

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày

tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hồ Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn,
huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 617/TTr-TNMT ngày 19/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hồ Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ánh Hiền (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Lạng Giang, UBND xã Hương Sơn; Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ánh Hiền và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI KHU VỰC HỒ DẪY, THÔN KÉP 11, XÃ HƯƠNG SƠN, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hồ Dẫy, thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Địa điểm thực hiện: Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Ánh Hiền.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án khai thác đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Hồ Dẫy, thôn Kép 11 xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang trên diện tích đất khoảng 05 ha.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Công suất khai thác 300.000m³/năm.

+ Trữ lượng khai thác: 736.373 m³.

+ Tuổi thọ mỏ: 3,5 năm (trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ: 0,5 năm, thời gian khai thác 2,45 năm, thời gian đóng cửa mỏ: 0,5 năm, tuổi thọ mỏ là 3,45 năm làm tròn 3,5 năm).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án gồm: Nhà văn phòng, kho chứa nguyên liệu, bãi rửa xe, tuyến đường vận tải, kho chứa chất thải, rãnh thoát nước,...

- Hoạt động của dự án đầu tư

+ Hoạt động xây dựng cơ bản mỏ.

+ Hoạt động khai thác đất

+ Hoạt động cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các hạng mục công trình và hoạt động: Giải phóng mặt bằng, phát quang bề mặt; xây dựng tuyến đường vận chuyên; xây dựng tuyến đường mở vỉa; tạo diện khai thác đầu tiên; xây dựng hố lắng, rãnh thoát nước; hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- Các tác động đến môi trường:

+ Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn từ hoạt động của các máy móc trong quá trình san ủi, phát quang thảm thực vật; từ các phương tiện vận chuyển; từ máy móc thi công xúc bốc, san gạt tạo mặt bằng.

+ Tác động do phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại.

+ Tác động do phát sinh nước thải.

+ Tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học khu vực.

+ Tác động do các rủi ro, sự cố môi trường.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Các hạng mục công trình và hoạt động: Hoạt động khai thác, vận chuyển đất; Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- Các tác động đến môi trường

+ Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn từ quá trình đào, xúc, vận chuyển đất; từ hoạt động của các thiết bị khai thác.

+ Tác động do phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại

+ Tác động do phát sinh nước thải.

+ Tác động tới giao thông khu vực, an toàn lao động, sức khỏe.

+ Tác động do các rủi ro, sự cố môi trường.

2.2. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Các hạng mục công trình và hoạt động: San gạt, gia cố cải tạo phục hồi môi trường toàn bộ khu vực mỏ; Nạo vét rãnh thoát nước, hồ ga; Tháo dỡ các hạng mục phục vụ khai thác,...

- Các tác động đến môi trường:

+ Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn từ quá trình san gạt, hoạt động của máy móc thiết bị.

+ Tác động do phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại.

+ Tác động do phát sinh nước thải.

+ Tác động tới giao thông khu vực, an toàn lao động, sức khỏe.

+ Tác động do các rủi ro, sự cố môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng $0,8\text{m}^3/\text{ngày}$, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD_5 , tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, tổng Coliforms...

+ Nước thải từ quá trình thi công xây dựng: Từ hoạt động trộn vữa, đúc bê tông, vệ sinh thiết bị... phát sinh khoảng từ $0,5\text{ m}^3/\text{ngày}$; với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD_5 , COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

- Nước mưa chảy tràn theo dòng chảy cuốn theo đất đá xuống các lưu vực sẽ gây bồi lắng ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt trong khu vực. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD_5 , tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải của máy móc phát sinh trong quá trình phát quang thảm thực vật, phương tiện vận chuyển cây cối. Thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO_2 , NO_x , bụi tổng,...

+ Bụi quá trình thi công xúc bốc, san gạt tạo mặt bằng khai thác, tạo đường giao thông. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi tổng.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân khoảng $5\text{ kg}/\text{ngày}$.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phát quang thảm thực vật, cây cối khoảng $37,5\text{ tấn}$. Thành phần chủ yếu là cây dừa đã thu hoạch, chồi cây bạch đàn, thân bụi, cây cỏ.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, xây dựng như dầu mỡ thải, cặn xăng dầu... phát sinh khoảng 10 kg trong cả quá trình thi công xây dựng mỏ.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án, vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động do chiếm dụng đất, tác động đến hệ sinh thái, tác động đến địa hình cảnh quan.

- Tác động do sự cố như: Sự cố mất an toàn giao thông, an toàn lao động.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khai thác, khoảng $2,16\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD_5 , tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms,...

+ Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên khai trường kéo theo đất đá xuống vùng trũng làm tăng độ đục, bồi lấp, cản trở dòng chảy của khu vực xung quanh.

+ Nước rửa xe: Phát sinh từ hoạt động xịt rửa lốp xe trước khi vận chuyển đất ra khỏi dự án. Thành phần chủ yếu bao gồm: đất, cát, cặn bụi bẩn, phát sinh khoảng 38,4m³/ngày.

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ quá trình xúc bốc đất trên khu vực khai thác, thông số đặc trưng là bụi tổng.

+ Bụi, khí thải phát sinh máy móc thiết bị khai thác (máy xúc, máy ủi), từ phương tiện vận chuyển đất san lấp có thông số ô nhiễm đặc trưng là Bụi tổng, CO, NO_x, SO₂...;

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 13,5 kg/ngày.

- Đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển ước tính khoảng 5m³/ngày.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của dự án như: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, dầu thải, bao bì cứng thải bằng kim loại với tổng khối lượng khoảng 410kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị khai thác đất san lấp, vận chuyển đất san lấp đi tiêu thụ. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế-xã hội, tác động đến giao thông khu vực, tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái, tác động đến sức khỏe cộng đồng...

- Tác động do sự cố như: Sự cố sạt lở thành moong khai thác, sạt lở, sụt lún tầng khai thác; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, sự cố cháy nổ, chập điện, sự cố hệ thống xử lý môi trường.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Chủ dự án thuê nhà dân cạnh dự án có bể tự hoại 3 ngăn (dung tích 12m³) để xử lý nước thải sinh hoạt. Định kỳ 01 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh Microphot vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả phân hủy làm

sạch nhanh của công trình. Định kỳ 6 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng hút bùn căn bề tự hoại để mang đi xử lý theo quy định. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B trước khi thải vào rãnh thoát nước chung của khu vực.

- Nước mưa chảy tràn: Đối với tuyến đường từ mỏ ra quốc lộ 37, thi công độ dốc ngang mặt đường từ 1,5-2% về hai bên lề đường để thoát nước mưa theo hướng dốc tự nhiên.

- Nước thải thi công, xây dựng: nước rửa dụng cụ thu gom vào 01 thùng phuy dung tích 500 lít để tận dụng lượng nước này cho việc rửa dụng cụ và tưới đập bụi trong khu vực thi công.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án một cách hợp lý, không để ùn tắc giao thông, lưu lượng quá đông. Có nội quy cho xe chở vật liệu xây dựng khi đi vào khu vực để hạn chế tối đa lượng bụi phát tán vào môi trường.

- Thực hiện tưới nước trên khu vực thi công, trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu trên đoạn đường bê tông hiện trạng từ Quốc lộ 37 đến khu vực mỏ, với tần suất 2-4 lần/ngày và tăng lên 4-6 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng (không thực hiện tưới nước vào ngày mưa) để giảm thiểu bụi. Tiêu chuẩn tưới nước 0,5 lít/m².

- Lên kế hoạch tu sửa, cải tạo các tuyến đường vận chuyển, đóng góp kinh phí với chính quyền địa phương để sửa chữa nếu tuyến đường vận chuyển xảy ra hư hỏng xuống cấp.

- Không sử dụng các phương tiện chuyên chở đất quá cũ và không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải và có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, luôn để các máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt nhất để hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng có hại.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy dung tích 120 lít tại khu vực thi công và khu vực văn phòng. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/tuần.

- Chất thải rắn thi công, xây dựng:

+ Cây cối từ quá trình phát quang giao cho người dân tận dụng làm nguyên liệu hoặc củi phục vụ đốt. Phần thực bì còn lại sẽ được thu hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý tạo mặt bằng cho quá trình khai thác.

+ Đá, cát, sỏi rơi vãi...được thu gom, tận dụng làm vật liệu san lấp tại mặt bằng đường giao thông vào khu vực Dự án, không đổ thải ra môi trường xung quanh.

+ Vỏ bao bì được thu gom, tập kết đúng nơi quy định...tránh gây ảnh hưởng đến môi trường.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí các thùng phuy có dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại, mỗi thùng có dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích $8m^2$, nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo để sử dụng trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động khai thác. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định, tần suất thu gom 01 lần trong suốt quá trình thi công.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bảo sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Các máy móc gây tiếng ồn lớn như máy gạt, máy xúc, máy ủi,... không được vận hành vào ban đêm.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Tiếp tục sử dụng nhà dân đã thuê có sẵn bể tự hoại 03 ngăn, thể tích $12m^3$. Định kỳ 01 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh microphot vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả phân hủy làm sạch nhanh của công trình. Định kỳ 06 tháng/lần chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn bể tự hoại mang đi xử lý theo quy định. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra rãnh thoát nước chung của khu vực.

- Nước mưa chảy tràn:

Bố trí rãnh thoát nước có hố lắng, để thu gom và lắng các chất lơ lửng có trong nước mưa trước khi thoát ra ngoài khu mỏ: Rãnh đất, chiều rộng 1m, chiều sâu 1m, chiều dài khoảng 450m, hố lắng kích thước $1,5m \times 1,5m \times 1,5m$, cứ 20m bố trí 1 hố lắng, cứ 20m bố trí 1 hố lắng. Nước mưa sau khi được thu gom sẽ được thoát vào hồ chứa nước của khu vực, cách khu vực dự án khoảng 20m. Định kỳ (1 tháng/lần) kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước, thoát nước mưa trên khai trường.

- Nước thải rửa xe:

Nước thải từ quá trình vệ sinh xe được dẫn về hệ thống rãnh thoát nước xây bằng gạch, trát vữa xi măng có kích thước: rộng x sâu = $0,5 \times 0,5m$, dài khoảng: 15m. Hố lắng có kích thước: dài x rộng x sâu = $1,5m \times 1,5m \times 1,5m$. Nước thải được thu về hố lắng để lắng cặn đất cát, sau đó nước thải được thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

Định kỳ 01 tuần/lần, nạo vét rãnh thoát nước cũng như hố lắng nước thải để khơi thông đảm bảo khả năng và thời gian lắng đọng, không gây ảnh hưởng đến hệ thống tiêu thoát nước khu vực.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m³. Thực hiện tưới nước giảm thiểu bụi trên khu vực dự án và trên tuyến đường vận chuyển đất san lấp (trên tuyến đường từ mỏ ra quốc lộ 37 và đoạn trên quốc lộ 37 chiều dài 01 km) tần suất trung bình 2-4 lần/ngày, tăng cường tưới nước vào những ngày khô hanh, nắng nóng tần suất 4-6 lần/ngày. Tiêu chuẩn tưới nước 0,5 lít/m².

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: khẩu trang, mũ ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc.

- Xe chở đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu, sản phẩm đi tiêu thụ khi tham gia giao thông sử dụng đúng trọng tải có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí do tác dụng của gió.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển, máy xúc, máy ủi đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Bố trí công nhân và xe đi thu dọn đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan, giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí thùng chứa có nắp đậy dung tích 120lit có nắp đậy khu vực nhà văn phòng và khu vực khai trường để công nhân bỏ chất thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển của địa phương đem đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường từ quá trình khai thác

+ Một phần đất rơi vãi từ quá trình xúc bốc, vận chuyển trên đường thường xuyên được thu gom bằng máy gạt kết hợp với thủ công tiếp tục được sử dụng cho việc làm vật liệu san lấp.

+ Để hạn chế đất rơi vãi trên đường vận chuyển, thực hiện biện pháp sau: Không đổ đất quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe. Các xe vận chuyển đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ. Bố trí xe đi thu gom đất rơi vãi dọc tuyến đường vận chuyển nếu để xảy ra tình trạng rơi vãi đất đá (02 lần/ngày).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí các thùng phuy có dung tích 200 lít để thu gom, lưu trữ riêng biệt từng loại chất thải nguy hại, thùng được dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Bố trí kho chất thải nguy hại có diện tích 8 m², quây tôn, nền xi măng, mái lợp tôn, cửa lưới thép, có biển cảnh báo. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại với tần suất 01 năm/lần.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Máy móc thiết bị phục vụ khai thác đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất;

- Khi vận chuyển qua khu dân cư đặc biệt lưu ý các xe ô tô không được rú ga, còi xe bừa bãi gây tiếng ồn, mà phải tuân thủ đúng luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Không khai thác vào giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và vào ban đêm (từ 19 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) để không gây ảnh hưởng đến những hộ dân sống xung quanh khu vực dự án cũng như những hộ dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển đất.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.2.4.1 Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tháo dỡ các công trình: khu rửa xe, trạm cân, biển báo mốc giới,...
- Nạo vét hệ thống thoát nước.
- San gạt tuyến đường vận chuyển từ mỏ ra Quốc lộ 37.
- San gạt tạo mặt bằng khu vực kết thúc khai thác ở cos +31.

Sau khi tiến hành các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực khai thác được bàn giao cho Nhà nước để thực hiện dự án cụm công nghiệp Hương Sơn 2 theo Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022.

b. Khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

- San gạt bề mặt khai thác và taluy bảo vệ:

Khu vực khai thác ở giai đoạn kết thúc ở cốt +31m có diện tích khoảng 42.788m², diện tích mặt taluy bảo vệ khoảng 1.610m², còn lại diện tích 5.602 m² là mái dốc ta luy. Sau khi kết thúc khai thác bề mặt dự án và bề mặt taluy tương đối bằng bằng, chủ dự án tiến hành san gạt nhẹ chiều cao san gạt trung bình 0,2 m, tổng khối lượng san gạt khoảng 8.880 m³.

- Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước khu vực dự án và khu vực rửa xe

Rãnh thoát nước khu vực kết thúc khai thác có chiều dài khoảng 450m, chiều rộng 01 m, chiều sâu 01 m, hố lắng kích thước 1,5mx1,5mx1,5m, cứ 20m bố trí 1 hố lắng cứ 20 m bố trí 01 hố ga lắng cạn. Tiến hành nạo vét rãnh thoát nước chiều sâu nạo vét 0,5m, chiều rộng nạo vét 1m, chiều dài nạo vét 450 m, nạo vét 22 hố ga lắng cạn chiều sâu nạo vét, tổng khối lượng cần nạo vét khoảng 247m³.

Rãnh thoát nước khu vực rửa xe có chiều dài khoảng 15m, chiều rộng 0,5 m, chiều sâu 0,5m, khu vực rửa xe bố trí 01 hố lắng kích thước (1,5m x 1,5m x 1,5m). Tiến hành nạo vét rãnh thoát nước chiều sâu nạo vét 0,5 m, chiều rộng nạo vét 0,5m, nạo vét toàn bộ hố lắng, tổng khối lượng nạo vét 7,125 m³.

Tổng khối lượng nạo vét rãnh thoát nước và hố lắng khu vực khai thác và khu vực rửa xe: $247 + 7,1 = 254,1\text{m}^3$.

- Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ: Tuyến đường vận tải từ mỏ ra Quốc lộ 37 có chiều dài khoảng 463m, chiều rộng trung bình khoảng 10m được san gạt với chiều cao san gạt khoảng 0,3m, khối lượng san gạt khoảng 1.389m³.

- Tháo dỡ các hạng mục công trình: mốc giới, camera giám sát, trạm cân.

+ Tháo dỡ các công trình: Camera giám sát: 01 chiếc; trạm cân: 01 trạm.

+ Phá dỡ mốc giới được thiết kế theo quy cách (06 chiếc): 06 x (0,2m x 0,3m x 0,8m). Khối lượng mốc giới cần tháo dỡ 0,288m³ (làm tròn 0,29m³).

- Lắp đặt biển cảnh báo:

Lắp đặt biển cảnh báo tại một số vị trí người dân thường xuyên đi lại qua, dễ quan sát, nguy cơ sạt lún cụ thể như sau: Cột biển báo bằng ống kẽm $\phi 60$, kích thước biển báo 0,5m x 0,5m, chất liệu bằng tôn thép không gỉ.

Bố trí 30 biển báo: 01 biển được bố trí tại mốc số 1; 01 biển được bố trí tại mốc số 2; 01 biển được bố trí tại mốc 03; 01 biển được bố trí tại mốc số 4; 01 biển được bố trí tại mốc 5; 01 biển bố trí tại mốc 6; 07 biển từ điểm mốc số 1 đến điểm mốc số 2; 05 biển báo từ điểm mốc số 2 đến điểm mốc số 3; 03 biển báo từ điểm mốc số 3 đến điểm mốc số 4; 04 biển báo từ điểm mốc số 4 đến điểm mốc số 5; 02 biển báo từ điểm mốc số 5 đến điểm mốc số 6; 03 biển báo từ điểm mốc số 6 đến điểm mốc số 1.

c. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo tạo phục hồi môi trường là 253.594.000 đồng (*hai trăm năm mươi ba triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ 03 lần, thời điểm ký quỹ theo quy định hiện hành.

+ Lần đầu, số tiền là: 63.398.000 đồng.

+ Lần thứ 02, số tiền là: 95.098.000 đồng.

+ Lần thứ 03, số tiền là: 95.098.000 đồng.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang.

4.2.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Trong quá trình hoạt động khai thác Công ty chấp hành những quy trình, quy phạm hiện hành của nhà nước như: Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên.

- Công nghệ khai thác đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác. Khai thác theo lớp bằng vận tải trực tiếp từ trên xuống dưới. Quá trình khai thác sẽ tạo ra các tầng và mặt tầng bảo vệ theo quy định nhằm chống sạt lở đất đá xung quanh, đảm bảo an toàn trong khai thác.

- Đối với khu vực khai thác, khai thác theo thứ tự từ trên xuống dưới và tạo các tầng, mặt tầng quy định, hạn chế tối đa khả năng sạt lở xung quanh.

- Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ quy định về phòng cháy.

- Vào những ngày mưa bão kéo dài, mỏ sẽ tạm dừng hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu để hạn chế sự cố sạt lở đất đá cũng như ảnh hưởng tới môi trường, đường giao thông.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, Bụi toàn phần, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình xây dựng

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT.

5.2. Giai đoạn vận hành

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang tiến hành khai thác.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung, bụi toàn phần, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT.

5.3. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang tiến hành cải tạo phục hồi môi trường.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, độ rung, bụi toàn phần, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong giai đoạn cải tạo phục hồi

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 27:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, nước thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 617/TTr-TNMT ngày 19/9/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.